

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày 27/3/2025
V/v Đề nghị công nhận quyền sở
hữu tài sản là quyền sử dụng đất và
Hủy GCNQSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Sĩ Quang.

2. Ông Nguyễn Đức Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về đề nghị công nhận quyền sở hữu tài sản là Quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Văn T** - sinh năm 1961. Có mặt.

Địa chỉ: Khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1934. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1939, địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Ông Phạm Văn D, sinh năm 1949, địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người đại diện thao ủy quyền của ông Đ, ông T1, ông D: ông Phạm Văn P, sinh năm 1967, địa chỉ: Số E, T, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Anh Lương Văn N, sinh năm 1976, địa chỉ: 1 V, V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Anh Lương Ngọc D1, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q - Chủ tịch UBND huyện C
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh T2 - Phó trưởng phòng Tài nguyên Môi Trường huyện C Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Vũ Quyết T3 - Giám đốc. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn V - Phó giám đốc. Vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Cụ Phạm Văn C (Phạm Đăng C1) (chết năm 1998), cụ Hà Thị G (chết năm 2003). Các cụ sinh được 5 người con là Phạm Văn Đ, Phạm Văn T1, Phạm Văn D, Phạm Văn T, Phạm Thị Đ1 (chết năm 2011). Cụ C1, cụ G có 841m² quyền sử dụng đất, tại thửa số 250, tờ bản đồ 05 thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Trước năm 1998 cụ C1, cụ G đã tách cho bà Phạm Thị Đ1 519m² quyền sử dụng đất, bà Đ1 và các con đã quản lý, sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất). Còn lại 322m² quyền sử dụng đất các cụ quản lý sử dụng đến khi qua đời. Do anh em trong gia đình đã có chỗ ăn ở riêng nên thống nhất bàn bạc để cho ông T toàn bộ diện tích đất còn lại và để ông Đ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông T. Sau đó ông Đ lại tự ý sang tên cho con gái là Phạm Thị N1 nên ông T không đồng ý. Sau khi ông Đ đồng ý trả lại quyền sử dụng đất cho ông T nhưng ông lo con trai nghiện chất kích thích sẽ không giữ được quyền sử dụng đất của tổ tiên. Do vậy, anh em trong gia đình thống nhất đề nghị làm GCNQSD đất mang tên cả 4 người và đã được UBND huyện C cấp GCNQSD đất thửa 250-1, diện tích 258m²; Thửa 250-4, diện tích 64m² đều ở tờ bản đồ số 05 thôn V, xã C, huyện C, mang tên người sử dụng là ông Phạm Văn Đ, Phạm Văn T1, Phạm Văn D, Phạm Văn T. Nguyên đơn ông Phạm Văn T có nhu cầu sử dụng toàn bộ thửa đất trên nhưng ông Đ, ông T1, ông D không đồng ý sang tên trong GCNQSD đất. Do vậy, ông T khởi kiện yêu cầu:

1. Tuyên hủy GCNQSD đất số CD 811862 và GCNQSD đất số CD 811860 đã cấp đối với thửa đất số 250-1 và 250-4, tờ bản đồ 05, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương, do UBND huyện C cấp ngày 22/9/2016 mang tên ông Phạm Văn Đ, Phạm Văn T1, Phạm Văn D, Phạm Văn T.

2. Công nhận toàn bộ diện tích 322m² Quyền sử dụng đất tại thửa 250-1 và 250-4, đều ở tờ bản đồ 05, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Phạm Văn T. Ông T được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Trong trường hợp yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận thì đề nghị Tòa án tách cho cá nhân ông Phạm Văn T ¼ thửa đất theo hiện trạng.

Tại biên bản ghi lời khai của ông Phạm Văn P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, ông D trình bày: Về quan hệ huyết thống và tài sản đang tranh chấp như ông T đã trình bày là đúng. Khi còn sống thì cụ Phạm Văn C (Phạm Đăng C1) và Hà Thị G đều có quyền sử dụng đất cho các con ra ở riêng và sinh sống. Ông T khi

đó đã sinh sống và có chỗ ở ổn định tại phường C, thành phố H nên không có nhu cầu về đất ở, do vậy cụ C1, cụ G vẫn sử dụng phần đất 322m² cho đến khi chết. Sau đó chị Phạm Thị N1 (là con gái ông Phạm Văn Đ) bị bệnh hiểm nghèo nên mượn quyền sử dụng đất trên làm thủ tục công nhận hộ nghèo. Năm 2016 chị N1 sang tên và trả lại quyền sử dụng đất cho ông T, ông Đ, ông T1, ông D. Cũng trong năm 2016 cả bốn ông đều thống nhất diện tích đất trên là tài sản chung để sau này làm nơi thờ cúng và ngày 22/9/2016 đã được UBND huyện C cấp GCNQSD đất. Nay bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xác định đây là tài sản chung của 4 người có tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc làm thủ tục cấp CGNQSD đất đều thực hiện theo đúng quy định, ông T là người trực tiếp đi làm mọi thủ tục. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Ngọc D1 khai: Anh là con trai bà Đ1, hiện đang quản lý diện tích đất do bà Đ1 tặng cho. Tường bao, các cây cối ngăn ngày trên quyền sử dụng đất đang tranh chấp là tài sản do anh xây dựng. Do tài sản cũ, xuống cấp, không còn giá trị sử dụng, các cây cối giá trị nhỏ nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện nay thửa đất của anh và của ông T, ông Đ, ông T1, ông D đã tách bạch, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có tranh chấp gì. Do vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết nội dung gì.

Anh Lương Văn N khai: Anh là con trai bà Đ1, toàn bộ diện tích đất của bà Đ1 đã tặng cho anh D1, đối với phần đất hiện các bên đang tranh chấp anh không có liên quan gì, không có công sức gì. Do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện C và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C trình bày: Ông Phạm Văn Đ, Phạm Văn T1, Phạm Văn D, Phạm Văn Tiếp N2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị N1. Các bên đều có hợp đồng chuyển nhượng theo quy định. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên 4 người trên đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, nội dung, thẩm quyền. Do vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị hủy GCNQSD đất.

Theo biên bản xác minh tại địa phương; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; Biên bản định giá tài sản thể hiện: Tổng thửa đất có diện tích thực tế là 291.2m², ít hơn so với GCNQSD đất. Nguyên nhân là do gia đình đã hiến một phần đất làm đường giao thông của thôn. Giá trị thửa đất theo giá thị trường tại địa phương là: Đất ở 150m² là 1.500.000.000đ; Đất trồng cây hàng năm 141,2 là 706.000.000đ. Tổng là 2.206.000.000đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trường hợp yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận thì đề nghị HĐXX chia cho cá nhân nguyên đơn ¼ diện tích quyền sử dụng đất theo phần được hưởng trong khối tài sản chung. Đề nghị được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong trường hợp chia tài sản chung thì đề nghị HĐXX chia riêng cho ông T ¼ diện

tích đất, còn lại ông Đ, ông T1, ông D chung một thửa. Đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn, giao cho nguyên đơn được hưởng $\frac{1}{4}$ diện tích quyền sử dụng đất tương đương $72,8m^2$, còn lại là tài sản chung của ông Đ, ông T1, ông D. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở đánh giá các chứng cứ, tài liệu và các tình tiết của vụ án, quan điểm của các đương sự, của Kiểm sát viên tại phiên tòa. HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ, một số đương sự vắng mặt nhưng đã ủy quyền tham gia tố tụng, một số đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc quyền sử dụng đất và quá trình sử dụng đất: Theo bản đồ 299 thể hiện tại thửa số 35, diện tích $840m^2$ đất thổ cư mang tên cụ Phạm Văn C. Tại bản đồ lập năm 1992 thể hiện thửa số 250, tờ bản đồ số 5, diện tích $840m^2$ mang tên cụ Phạm Văn C. Khi cụ C, cụ G còn sống đã tách cho bà Đ1 một phần quyền sử dụng đất. Phần đất còn lại cụ C, cụ G sử dụng có diện tích $322m^2$. Sau khi cụ C, cụ G chết, gia đình đã thống nhất thửa đất trên mang tên chị Phạm Thị N1 (con ông Đ và là cháu của cụ C, cụ G) vì chị N1 là người có bệnh hiểm nghèo (chạy thận) nên cần có chỗ ở để làm thủ tục công nhận hộ nghèo. Ngày 26/9/2007 chị N1 được UBND huyện C cấp GCNQSD đất đối với diện tích $322m^2$ thôn V, xã C, huyện C. Năm 2016 chị N1 làm thủ tục chuyển nhượng lại cho ông T, ông Đ, ông T1, ông D thửa đất 250-1 diện tích $258m^2$ và thửa 250-4 diện tích $64m^2$ đều ở tờ bản đồ số 5 thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương (Gia đình đã đổi một phần đất cho anh D1). Toàn bộ hồ sơ cấp GCNQSD đất đã được nguyên đơn là người trực tiếp đi làm thủ tục. Ông T cho rằng thửa đất trên là được bố mẹ tặng cho riêng cá nhân ông nhưng vì gia đình có con nghiện chất kích thích nên ông không muốn đứng tên cá nhân ông trong GCNQSD đất, do vậy đã nhờ ông Đ, ông D, ông T1 cùng đứng tên sở hữu chung. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T không cung cấp được bất cứ chứng cứ, tài liệu gì chứng minh việc bố mẹ là cụ C, cụ G tặng cho riêng cá nhân ông quyền sử dụng đất trên. Hơn nữa cũng không có biên bản, tài liệu gì thể hiện ý chí của ông Đ, ông D, ông T1 xác định diện tích đất trên là của cá nhân ông T. Hiện ông Đ, ông T1, ông D đều xác định thửa đất trên là tài sản chung của 4 anh em trong gia đình để sau này xây dựng nơi thờ cúng chung. Từ phân tích trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về

việc xác định quyền sử dụng 322m² đất ở và đất trồng cây hàng năm tại thửa 250-1 diện tích 258m² và thửa 250-4 diện tích 64m² đều ở tờ bản đồ số 5 thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương là tài sản của cá nhân ông T. HĐXX xác định đây là tài sản thuộc sở hữu chung của ông T, ông Đ, ông T1, ông D. Như vậy, là phù hợp với quy định tại Điều 207, 208, 209 của Bộ luật dân sự.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T xác định trong trường hợp không được chấp nhận toàn bộ thửa đất là tài sản riêng của ông thì ông đề nghị chia tài sản chung và lấy ¼ thửa đất theo hiện trạng. HĐXX xét thấy, toàn bộ diện tích đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông T, ông Đ, ông D, ông T1 và xác định là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất của 4 người. Mỗi người được hưởng ¼ diện tích quyền sử dụng đất tương đương 72,8m². Việc ông T đề nghị tách riêng một thửa cũng được các đương sự khác chấp nhận. Do vậy, HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T. Xác định ông T được hưởng 72,8m² đất ở và đất vườn. Để đảm bảo cho ông T và các đương sự sử dụng thuận tiện nên cần chia cho ông T phần đất giáp hộ ông S-Ngừng. Phần còn lại là tài sản chung của ông T1, ông D, ông Đ. Phân chia như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 219 của Bộ luật dân sự. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 26, khoản 2 Điều 27, Điều 31, Khoản 1 Điều 37 của Luật đất đai năm 2024.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, HĐXX xét thấy: Sau khi cụ C, cụ G mất thì thửa đất trên được chị N1 mượn để đứng tên trong GCNQSD đất. Năm 2016 chị N1 làm thủ tục chuyển nhượng lại cho ông T, ông Đ, ông T1, ông D. Thủ tục chuyển quyền sử dụng đất được lập thành văn bản, có chứng thực, trích lục thửa đất, đăng ký biến động thửa đất và ông T là người trực tiếp đi làm thủ tục. UBND huyện C và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã lập hồ sơ cấp GCNQSD đất theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, theo quy định và xác định đây là tài sản chung của cả 4 người. Phù hợp với quy định tại các Điều 97, 98, 100 và Điều 105 Luật đất đai năm 2013. Ông T không có căn cứ chứng minh đây là tài sản được cấp riêng cho cá nhân ông. Do vậy, HĐXX không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T về việc hủy GCNQSD đất số CD 811862 và GCNQSD đất số CD 811860 do UBND huyện C cấp ngày 22/9/2016 mang tên ông Phạm Văn Đ, Phạm Văn T1, Phạm Văn D, Phạm Văn T.

[3] Trong vụ án này có tường bao, cây cối nhỏ, cây ngăn ngày là của anh Lương Ngọc D1, anh D1 tự nguyện phá dỡ nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với 01 bể nước của cụ C, cụ G không còn giá trị sử dụng nên các đương sự không yêu cầu. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông T tự nguyện chịu cả tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự đều là người cao tuổi và đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm. HĐXX căn cứ Điều 12, 15 Nghị quyết 326 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 207, 208, 209, 219 của Bộ luật dân sự; Điều 97, 98, 100 và Điều 105 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, khoản 2 Điều 27, Điều 31, Khoản 1 Điều 37 của Luật đất đai năm 2024; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T về việc đề nghị:

- Hủy GCNQSD đất số CD 811862 và GCNQSD đất số CD 811860 được UBND huyện C cấp ngày 22/9/2016 mang tên ông Phạm Văn Đ, Phạm Văn T1, Phạm Văn D, Phạm Văn T đối với các thửa đất số 250-1 và 250-4, tờ bản đồ 05, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Công nhận toàn bộ diện tích 322m² Quyền sử dụng đất tại thửa 250-1 và 250-4, tờ bản đồ 05, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Phạm Văn T và ông T được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Công nhận toàn bộ diện tích 291,2m² (theo hiện trạng) Quyền sử dụng đất tại thửa 250-1 (trong đó 86m² đất ở lâu dài; 141,2m² đất trồng cây hàng năm sử dụng đến 15/10/2063) và thửa 250-4, diện tích 64m² đất ở lâu dài, đều ở tờ bản đồ 05, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương là tài sản chung của ông Phạm Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T1, Phạm Văn D.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc đề nghị chia tài sản chung là Quyền sử dụng đất. Giao cho ông Phạm Văn T 72,8m² quyền sử dụng đất tại thửa 250-1, tờ bản đồ 05, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Trong đó có 37.5m² đất ở lâu dài trị giá 375.000.000đ và 35.3m² đất trồng cây hàng năm sử dụng đến 15/10/2063 trị giá 176.500.000đ. (Hình thể, kích thước thửa đất có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho ông Phạm Văn Đ, Phạm Văn T1, Phạm Văn D quản lý, sử dụng chung đối với diện tích 218,4m² quyền sử dụng đất, cụ thể: 48.5m² đất ở lâu dài, trị giá 485.000.000đ; 105,9m² đất trồng cây hàng năm sử dụng đến 15/10/2063, trị giá: 529.500.000đ, tại thửa 250-1 và 64m² đất ở lâu dài, trị giá 640.000.000đ tại thửa 250-4, đều ở tờ bản đồ 05, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương. (Hình thể, kích thước thửa đất có sơ đồ kèm theo).

2. Về án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Phạm Văn T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn T1, Phạm Văn D.

3. Về quyền kháng cáo. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Hải Dương
- Cục T.H.A DS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN MINH TÂN